

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 173/2017/DS-ST

Ngày: 24/11/2017

V/v tranh chấp “xin chia di sản thừa kế
+ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cù Minh Sâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sơn
2. Bà Hồ Thị Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2016/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2016 về tranh chấp “xin chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2017/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Ngô Phước H**, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 15, ấp Trung Thành, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, An Giang

2. *Bị đơn:* Ông **Ngô Thanh Ph**, sinh năm 1950 (có mặt)

Bà **Ngô Thị H**, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Bà **Ngô Thị Thanh H**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Bà **La Thị Kim H**, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 15, ấp Trung Thành, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, An Giang

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ Bà **Ngô Thanh Ng**, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Đông Bình Trạch, xã Vĩnh Thành, Châu Thành, An Giang.

3.2/ Ông **Ngô Thanh T**, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 15, ấp Trung Thành, xã Vĩnh Thành, Châu Thành, An Giang.

3.3/ Bà **Ngô Thị Thanh D**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Tây Bình, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- 3.4/ Bà **Ngô Thị Hồng Y**, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 32, ấp Đông Bình Nhất, xã Vĩnh Thành, Châu Thành, An Giang.
- 3.5/ Bà **Ngô Thị Thanh T**, sinh năm 1977 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, ấp Tân Hiệp A, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, An Giang.
- 3.6/ Bà **Ngô Thị Cẩm T**, sinh năm 1987 (vắng mặt)
- 3.7/ Bà **Ngô Thị Cẩm Th**, sinh năm 1990 (vắng mặt)
- 3.8/ Ông **Ngô Thanh Th**, sinh năm 1994 (có mặt)
- 3.9/ Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1959 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 15, ấp Trung Thành, xã Vĩnh Thành, Châu Thành, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2016, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Phước H trình bày:** Cha ông tên Ngô Long Tr, sinh năm 1937 (chết năm 2012), mẹ tên Đặng Thị H, sinh năm 1937 (chết năm 2010), cha mẹ chết không có để lại di chúc, cha mẹ gồm có 10 người con ruột:

- 1/ Ngô Thanh Ph
- 2/ Ngô Thanh Ng
- 3/ Ngô Phước H
- 4/ Ngô Thị H
- 5/ Ngô Thanh T
- 6/ Ngô Thị Thanh D
- 7/ Ngô Thanh T Em (đã chết), vợ La Thị Kim H có 3 con: Ngô Thị Cẩm T, Ngô Thị Cẩm Th, Ngô Thanh Th
- 8/ Ngô Thị Hồng Y
- 9/ Ngô Thị Thanh T
- 10/ Ngô Thị Thanh H

Lúc còn sống cha mẹ ông có phân chia đều cho 10 người con, mỗi người 5 công đất ruộng, số tài sản còn lại của cha mẹ gồm:

+ Diện tích 6.700 m² đất vườn, 16.368 m² đất ruộng đều do cha Ngô Long Tr đứng tên quyền sử dụng đất, sau khi đo đạc lại ông thống nhất diện tích đất thực tế của cha mẹ để lại, diện tích đất ruộng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số 00607 QSDĐ/hG, thuộc tờ bản đồ số 01, số thửa 3054, 3055, 3056, 5433 là 18.069m², diện tích đất vườn tạp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07205/hG, thuộc tờ bản đồ số 38, số thửa 7,8 là 6.472,5m²

+ 53 chỉ vàng 24k loại 9999 trong đó:

. Ông Ngô Thanh Ph và bà Trần Thị N quản lý 33 chỉ vàng sau khi thẩm định ông thống nhất là 32 chỉ 7 phân 5 ly vàng 24k loại 9999.

. Bà Nguyễn Thị H giữ 10 chỉ vàng, bà H cho rằng có đưa lại cho cha số tiền là 20.000.000đ, đồng ý khấu trừ, còn lại số tiền là 10.000.000đ

. Bà Ngô Thị Thanh H quản lý 10 chỉ vàng. Do bà H không thừa nhận và ông cũng không có chứng cứ chứng minh nên ông xin rút lại yêu cầu này.

Nay ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cha mẹ để lại.

Ngoài ra diện tích đất ruộng 18.069m² bà La Thị Kim H đang canh tác là thuê của cha mẹ số tiền 40.000.000đ/năm, năm 2015 bà H có trả tiền thuê cho các anh chị em mỗi người là 4.000.000đ, nay ông yêu cầu bà H phải trả cho ông tiền thuê đất năm 2016 là 4.000.000đ

***Tại tờ tự khai ngày 19/4/2016, quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay đồng bị đơn bà La Thị Kim H trình bày:** Bà thống nhất với lời trình bày của ông H về hàng thừa kế và thời điểm mở thừa kế, bà thống nhất di sản thừa kế của cha mẹ chết để lại gồm diện tích đất ruộng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số 00607 QSDĐ/hG, thuộc tờ bản đồ số 01, số thửa 3054, 3055, 3056, 5433 là 18.069m², diện tích đất vườn tạp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07205/hG, thuộc tờ bản đồ số 38, số thửa 7,8 là 6.472,5m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều do cha Ngô Long Tr đứng tên QSDĐ, số vàng bà Trần Thị N là vợ ông Ngô Thanh Ph giữ của cha mẹ là 32 chỉ 7 phân 5 ly vàng 24k loại 9999, còn việc bà Ngô Thị H có giữ 10 chỉ vàng trả lại cho cha số tiền 20.000.000đ hay không thì bà không biết rõ. Tất cả tài sản này bà yêu cầu chia theo qui định pháp luật.

Đối với yêu cầu trả tiền thuê đất của ông H bà không đồng ý vì bà không có thuê đất, năm 2015 do ủy ban nhân dân xã VT động viên nên bà đồng ý trả mỗi người 4.000.000đ để xuống giống, nhưng bà chỉ đồng ý trả 1 năm chứ không phải đồng ý năm nào cũng phải trả tiền thuê đất.

***Tại tờ tự khai ngày 19/4/2016, quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay đồng bị đơn ông Ngô Thanh Ph và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị N thống nhất trình bày:** Ông bà thống nhất với lời trình bày của ông H về hàng thừa kế và thời điểm mở thừa kế. Ông bà cũng thống nhất lúc còn sống cha mẹ đã phân chia đều cho mỗi người con 5 công đất ruộng, còn phần đất ruộng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số 00607 QSDĐ/hG, thuộc tờ bản đồ số 01, số thửa 3054, 3055, 3056, 5433 là 18.069m², diện tích đất vườn tạp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07205/hG, thuộc tờ bản đồ số 38, số thửa 7,8 là 6.472,5m² là di sản của cha mẹ chết để lại, không có di chúc, hiện đất vườn chưa giao ai quản lý, còn đất ruộng thì bà La Thị Kim H đang quản lý, ông bà xác nhận bà N có giữ của cha mẹ là 32 chỉ 7 phân 5 ly vàng 24k loại 9999, còn bà H, bà H mỗi người có giữ 10 chỉ vàng hay không thì ông bà cũng không biết, nếu có thì ông bà yêu cầu giữ lại cho cháu tên Ngô Thanh Th, ông bà không yêu cầu chia số vàng này. Ông bà không thống nhất chia thừa kế theo yêu cầu của ông Ngô Phước H, ông bà yêu cầu giao lại cho Ngô Thanh Th quản lý sử dụng để thờ cúng ông bà.

*** Trong quá trình tố tụng đồng bị đơn Ngô Thị Thanh H trình bày:** Bà thống nhất với lời trình bày của ông H về hàng thừa kế và thời điểm mở thừa kế, bà thống nhất di sản thừa kế của cha mẹ chết để lại gồm phần đất ruộng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số 00607 QSDĐ/hG, thuộc tờ bản đồ số 01, số thửa 3054, 3055, 3056, 5433 là 18.069m², diện tích đất vườn tạp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07205/hG, thuộc tờ bản đồ số 38, số thửa 7,8 là 6.472,5m², bà không có giữ 10 chỉ vàng như ông H trình bày, ông Ph bà N có giữ của cha mẹ

32 chỉ 7 phân 5 ly vàng 24k loại 9999, bà H giữ 10 chỉ vàng hay không thì bà cũng không biết, bà không yêu cầu chia di sản thừa kế, bà đồng ý để lại cho Ngô Thanh Th.

*** Trong quá trình tố tụng đồng bị đơn Ngô Thị H trình bày:** Bà thống nhất với lời trình bày của ông H về hàng thừa kế và thời điểm mở thừa kế, bà thống nhất chia di sản thừa kế của cha mẹ chết để lại gồm phần đất ruộng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số 00607 QSDĐ/hG, thuộc tờ bản đồ số 01, số thửa 3054, 3055, 3056, 5433 là 18.069m², diện tích đất vườn tạp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07205/hG, thuộc tờ bản đồ số 38, số thửa 7,8 là 6.472,5m², đối với số vàng của cha mẹ bà thừa nhận có giữ 10 chỉ vàng nhưng đã đưa lại cho cha số tiền 20.000.000đ, còn lại bao nhiêu bà đồng ý trả lại cho anh chị em chia theo qui định, còn việc ông Ph bà N, bà H có giữ vàng của cha mẹ hay không bà hoàn toàn không biết, bà không yêu cầu chia thừa kế, đồng ý để lại cho cháu Ngô Thanh Th.

*** Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+Bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Thanh T thống nhất trình bày: thống nhất với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Ngô Phước H, không có ý kiến gì khác.

Yêu cầu bà La Thị Kim H là người trực tiếp canh tác diện tích đất ruộng của cha để lại, ông bà yêu cầu bà Hoàng phải có nghĩa vụ trả tiền thuê đất cho ông bà, mỗi người là 4.000.000đ

+ Bà Ngô Thị Thanh D, bà Ngô Thị Hồng Y, bà Ngô Thị Thanh T thống nhất trình bày: Các bà thống nhất với lời trình bày của ông H về hàng thừa kế và thời điểm mở thừa kế, bà thống nhất di sản thừa kế của cha mẹ chết để lại gồm đất ruộng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số 00607 QSDĐ/hG, thuộc tờ bản đồ số 01, số thửa 3054, 3055, 3056, 5433 là 18.069m², diện tích đất vườn tạp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07205/hG, thuộc tờ bản đồ số 38, số thửa 7,8 là 6.472,5m², ông Ph bà N có giữ của cha mẹ 32 chỉ 7 phân 5 ly vàng 24k loại 9999, bà H giữ 10 chỉ vàng hay không thì các bà cũng không biết, các bà không yêu cầu chia di sản thừa kế, các bà đồng ý để lại cho Ngô Thanh Th.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành:**

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản thừa kế theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các quyết định đưa vụ án ra

xét xử nhiều lần nhưng bà H, bà H, bà D, bà Y, bà T, bà Th không đến tham gia và không có bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào, như vậy các bà đã từ bỏ quyền, cũng như không thực hiện các nghĩa vụ của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, bà H, bà D, bà Y, bà T, bà Th theo thủ tục chung.

2/ *Về quan hệ pháp luật:* Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp xin chia di sản thừa kế, đây là tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3/ *Về thẩm quyền giải quyết:* Đối tượng xin chia di sản thừa kế là bất động sản có địa chỉ tại ấp T, xã VT, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4/ *Về thời hiệu khởi kiện:*

Cụ Ngô Long Tr, chết năm 2012, cụ Đặng Thị H chết năm 2010, hai cụ chết không có lập di chúc, đến năm 2016 nguyên đơn khởi kiện xin chia di sản thừa kế như vậy vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện là 10 năm theo qui định tại Điều 645 bộ luật dân sự.

5/ *Về nội dung tranh chấp:*

-Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Phước H và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thanh T và bà Ngô Thanh Ng yêu cầu chia đều các tài sản của cha mẹ để lại gồm : 18.069 m² đất 2 lúa, 6.472,5m² đất vườn, 32 chỉ 7 phân 5 ly vàng 24k (loại 9999), chia cho 10 người bằng 10 kỷ phần bằng nhau và chia bằng hiện vật. Đồng thời yêu cầu bà La Thị Kim Hoàng phải giao trả cho mỗi người là 4.000.000đ tiền thuê số đất 2 lúa của cha mẹ nói trên.

Việc yêu cầu chia đều cho 10 người phần tài sản mà cha mẹ để lại là có cơ sở phù hợp với khoản 2 điều 676 của bộ luật dân sự năm 2005 nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc yêu cầu chia phần đất 2 lúa và đất vườn bằng hiện vật là không có cơ sở. Bởi vì, diện tích 2 phần đất trên bề ngang rất nhỏ, nếu chia 10 phần, mỗi phần có tiền có hậu thì bề ngang mảnh đất của mỗi phần rất nhỏ, rất khó khăn trong việc sản xuất, diện tích đất 2 lúa thì bà H canh tác từ lúc cha mẹ mất cho đến nay. Do đó, để ổn định và thuận lợi trong việc sản xuất, nghĩ nên giao toàn bộ 2 phần đất nói trên cho bà H và các con quản lý sử dụng là phù hợp. Đồng thời, bà H và các con có nghĩa vụ hoàn giá trị lại cho 9 người trong hàng thừa kế còn lại.

Việc yêu cầu bà H trả cho mỗi người 4.000.000đ tiền cho thuê đất là không có cơ sở. Bởi vì, bà H trình bày khi cha mẹ còn sống đã giao đất này cho bà H sản xuất và mỗi năm giao lại cho cha mẹ 20.000.000đ để tiêu xài, số tiền còn lại để chi tiêu trong gia đình, sau khi cha mẹ mất thì bà H canh tác đến bây giờ chứ không có thuê của ai hết nên không đồng ý trả số tiền trên. Còn ông H, T, bà Ng cho rằng tất cả 9 anh chị em đứng ra cho bà H thuê, nhưng trước phiên tòa hôm

nay chỉ có ông H, T, Ng là nói cho thuê còn 6 người còn lại là không biết việc cho thuê trên, đồng thời các ông bà đưa ra chứng cứ là biên bản hòa giải của Ban áp T đề ngày 24/3/2016 và biên bản xác minh đề ngày 16/6/2017, nội dung bà H không đồng ý việc thuê đất, do lúc đó tranh chấp chia di sản thừa và xã đã giao đất lại cho bà H tiếp tục sản xuất vì lúc đó bà là người trực canh, xã vận động bà trả tiền thuê cho những người trong hàng thừa kế là 40.000.000đ cho năm 2015, các năm tiếp theo thì bà không đồng ý, chờ kết quả giải quyết của Tòa án. Việc cho thuê này chỉ có 3 người trong hàng thừa kế biết còn lại 6 người hoàn toàn không biết. Đồng thời trước phiên tòa hôm nay 3 đương sự trên không có chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không được hội đồng xét xử chấp nhận.

-Đối với lời trình bày và yêu cầu của bị đơn La Thị Kim H, thống nhất lời trình bày của ông H về hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế và di sản của cha mẹ để lại, bà đồng ý chia đều cho 10 phần bằng nhau về phần đất 2 lúa và đất vườn xin được nhận lại toàn bộ để sản xuất nuôi con bà đồng ý giao lại bằng giá trị cho những người được hưởng thừa kế. Về việc ông H, ông T và bà Ng yêu cầu bà trả tiền thuê đất cho mỗi người là 40.000.000đ bà không đồng ý.

Yêu cầu của bà H là có cơ sở nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

-Đối với lời trình bày và yêu cầu của các đồng bị đơn Ngô Thanh ph, Ngô Thị H, Ngô Thị Thanh H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Thanh D, Ngô Thị Hồng Y và Ngô Thị Thanh T đều đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại bằng 10 phần bằng nhau, tất cả kỷ phần của các ông, bà được hưởng yêu cầu nhận bằng tiền và giao lại toàn bộ cho cháu Ngô Thanh T. Nghĩ nên công nhận sự tự nguyện này của các ông, bà.

-Đối với lời trình bày của ông Ngô Thanh Ph, Trần Thị N và Ngô Thị H, thống nhất số vàng của cha mẹ để lại ông Ph bà N đang giữ 32 chỉ 7 phân 5 ly vàng 24k (loại 9999) bà Hồng đang giữ 10.000.000đ. Các ông bà đồng ý giao trả lại cho những người được chia di sản thừa kế. Nghĩ nên công nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

-Đối với các loại cây trồng trên diện tích 6.472,5m² đất trồng cây lâu năm tất cả 10 người trong hàng thừa kế không yêu cầu chia phần cây này. Nghĩ nên công nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

Do đó, nghĩ nên xác lập mối quan hệ tranh chấp trên phân chia di sản thừa kế của cụ Tr và cụ H theo quy định pháp luật, chia thành 10 phần bằng nhau cụ thể như sau:

+ Diện tích đất ruộng 18.069m² trị giá 722.760.000đ, mỗi người được nhận 72.276.000đ

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm 6.472,5m² trị giá 310.680.000đ, mỗi người được nhận 31.068.000đ

+ 32 chỉ 7 phân 5 ly vàng 24k loại 9999, mỗi người được hưởng 3 chỉ 2 phân 7,5 ly.

+ Số tiền 10.000.000đ, mỗi người được hưởng 1.000.000đ

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án :

Các đương sự phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

Riêng Ngô Thanh Th có đơn xin miễn giảm án phí, có chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được giảm ½ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 184, khoản 1 Điều 228, 235, 244, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 631, 632, 633, 634, 635, 636, 637, 645, 674, 675 và 676 của Bộ luật Dân sự 2005;
- Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Phước H.
- Buộc 9 người gồm các ông bà: Ngô Thanh Ph, Ngô Thanh Ng, Ngô Phước H, Ngô Thị H, Ngô Thanh T, Ngô Thị Thanh D, Ngô Thị Hồng Y, Ngô Thị Thanh T, Ngô Thị Thanh H giao cho bà La Thị Kim H, Ngô Thanh Th, Ngô Thị Cẩm T, Ngô Thị Cẩm Th tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 18.069m² đất ruộng thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00607 QSDĐ/hG ngày 15/01/2002, thuộc tờ bản đồ số 01, số thửa 3054, 3055, 3056, 5433 do ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Ngô Long Tr đứng tên; và 6.472.5 m² đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.07205/hG ngày 19/8/2006, thuộc tờ bản đồ số 38, số thửa 7,8 do ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Ngô Long Tr và bà Đặng Thị H đứng tên (kèm theo bản gốc trích đo ngày 01/10/2016 của văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Thành), đất tọa lạc tại ấp T, xã VT, Châu Thành, An Giang.
- Buộc bà La Thị Kim H, ông Ngô Thanh Th, bà Ngô Thị Cẩm T, bà Ngô Thị Cẩm Th có trách nhiệm giao cho ông Ngô Phước H, bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Thanh T mỗi người số tiền là 103.344.000đ (Một trăm lẻ ba triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).
- + Giao cho các ông, bà Ngô Thanh Ph, Ngô Thị H, Ngô Thị Thanh D, Ngô Thị Hồng Y, Ngô Thị Thanh T, Ngô Thị Thanh H, mỗi người số tiền là 103.344.000đ (Một trăm lẻ ba triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn đồng). Tất cả các ông bà tự nguyện cho Ngô Thanh Th số tiền trên.

- Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

- Buộc bà Trần Thị N có trách nhiệm giao lại cho ông Ngô Phước H, bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Thanh T mỗi người là 3 chỉ 2 phân 7,5 vàng 24k (loại 9999)

+ Giao lại cho các ông, bà Ngô Thanh Ph, Ngô Thị H, Ngô Thị Thanh D, Ngô Thị Hồng Y, Ngô Thị Thanh T, Ngô Thị Thanh H, mỗi người là 3 chỉ 2 phân 7,5 vàng 24k (loại 9999). Tất cả các ông bà tự nguyện cho Ngô Thanh Th số vàng trên.

+ Giao lại cho Ngô Thị Cẩm T, Ngô Thị Cẩm Th, Ngô Thanh Th là 3 chỉ 2 phân 7,5 vàng 24k (loại 9999)

-Buộc bà Ngô Thị H có trách nhiệm giao lại cho ông Ngô Phước H, bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Thanh T mỗi người là 1.000.000đ (Một triệu đồng)

+ Giao lại cho các ông, bà Ngô Thanh Ph, Ngô Thị H, Ngô Thị Thanh D, Ngô Thị Hồng Y, Ngô Thị Thanh T, Ngô Thị Thanh H, mỗi người là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Tất cả các ông bà tự nguyện cho Ngô Thanh Th số tiền trên.

+ Giao lại cho Ngô Thị Cẩm T, Ngô Thị Cẩm Th, Ngô Thanh Th số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Phước H, bà Ngô Thanh Ng, ông Ngô Thanh T buộc bà La Thị Kim Hoàng giao trả số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tiền cho thuê đất.

-Về lệ phí đo đạc, lệ phí định giá và thẩm định: Các ông, bà Ng, T mỗi người phải trả lại cho ông Ngô Phước H số tiền 838.400đ (tám trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm đồng).

Ông Ngô Thanh Th phải trả lại ông Ngô Phước Hoàng số tiền 5.868.800đ (năm triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm đồng)

-Về án phí:

+ Ông Ngô Phước H phải chịu 5.990.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 2.378.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008914 ngày 31/5/2016 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, án phí ông H còn phải nộp là 3.212.000đ

+ Bà Ngô Thanh Ng phải chịu 5.990.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 3.149.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000419 ngày 18/01/2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, án phí bà Ng còn phải nộp là 2.841.000đ

+ Ông Ngô Thanh T phải chịu 5.990.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 3.149.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000418 ngày 18/01/2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, án phí ông T còn phải nộp là 2.841.000đ

+ Ông Ngô Thanh Th phải chịu 18.159.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Quyền kháng cáo: các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/11/2017). Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và
thi hành án – TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cù Minh Sâm